

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023 và thay thế Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- CVP, các PCVP và các CV;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu: VT, CCHC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Bình

QUY CHẾ

**Phối hợp trong quản lý nhà nước về thi hành pháp luật
xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**
(Kèm theo Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Những nội dung có liên quan đến công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi là các Sở, ban, ngành); Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Việc phối hợp không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động chuyên môn của các cơ quan có liên quan; có sự phân công rõ ràng về trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

3. Bảo đảm công tác quản lý nhà nước thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính được thực hiện kịp thời, thường xuyên và hiệu quả.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng, hoàn thiện pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính.
3. Kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
4. Phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
5. Xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính.
6. Thống kê, báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Tổ chức họp; hội nghị tập huấn; sơ kết, tổng kết.
3. Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành.
4. Các hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 5. Xây dựng, hoàn thiện pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp

a) Nghiên cứu, rà soát, đề xuất, xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định chung về xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

b) Thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do các Sở, ban, ngành chủ trì soạn thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành;

c) Tổng hợp các kiến nghị, phản ánh của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân về những vướng mắc, bất cập trong quá trình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết hoặc kiến nghị Chính phủ, Bộ Tư pháp hoặc các cơ quan có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn, xử lý theo quy định;

d) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn.

2. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

a) Triển khai và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn của cơ quan, người có thẩm quyền về xử lý vi phạm hành chính;

b) Theo dõi việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý của ngành, đơn vị, địa phương; chủ động kiến

ngợi cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn, chồng chéo hoặc mâu thuẫn;

c) Tham gia ý kiến vào các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo yêu cầu, đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo;

d) Sơ kết, tổng kết việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính để hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

Điều 6. Phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật xử lý vi phạm hành chính

1. Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện hàng năm xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật có nội dung chỉ đạo, định hướng tuyên truyền pháp luật về xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức phù hợp, hiệu quả.

2. Sở Tư pháp

a) Biên soạn tài liệu, phổ biến nội dung các văn bản quy phạm pháp luật quy định về xử lý vi phạm hành chính theo các hình thức phù hợp;

b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ pháp luật chung về xử lý vi phạm hành chính cho các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Tham gia ý kiến đối với hồ sơ xử lý vi phạm hành chính theo đề nghị của cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính.

3. Các Sở, ban, ngành

Tổ chức phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính cho người làm công tác xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi lĩnh vực, ngành mình quản lý.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện; cấp xã

a) Tổ chức phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính đến cán bộ, nhân dân trên địa bàn quản lý;

b) Phối hợp với Sở Tư pháp trong tổ chức hội nghị tập huấn công tác xử lý vi phạm hành chính tại địa phương theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tư pháp.

5. Các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh phối hợp với các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến, tuyên truyền các văn bản pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên các phương tiện truyền thông phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 7. Kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp

a) Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; Thông tư số 14/2021/TT-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2021

của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP, chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh trước ngày 15 tháng 3 hằng năm;

Trường hợp khi có căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP, tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định kiểm tra theo quy định.

b) Trên cơ sở kế hoạch kiểm tra hằng năm và các căn cứ kiểm tra quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP, xây dựng quyết định kiểm tra trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định kiểm tra;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai, tổ chức kiểm tra liên ngành việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định;

d) Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả kiểm tra;

đ) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP.

2. Các Sở, ban, ngành

a) Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP và các văn bản có liên quan, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch kiểm tra, quyết định kiểm tra và tổ chức kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi lĩnh vực quản lý theo quy định;

b) Phối hợp với Sở Tư pháp trong hoạt động kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Cử đại diện tham gia hoạt động kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền;

d) Xem xét, xử lý các kiến nghị của đoàn kiểm tra và gửi kết quả đến Sở Tư pháp theo quy định;

đ) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Giao Phòng Tư pháp tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này trên địa bàn quản lý;

b) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại điểm b, d, đ khoản 2 Điều này.

4. Nội dung kiểm tra, kế hoạch kiểm tra, quyết định kiểm tra, tổ chức thực hiện kiểm tra và kết luận kiểm tra thực hiện theo quy định tại Điều 11, khoản 3 Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP và Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư số 14/2021/TT-BTP.

Điều 8. Phối hợp thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Việc phối hợp thanh tra thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính giữa Sở Tư pháp với các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện được thực hiện trong trường hợp có kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thường xuyên thực hiện hoạt động thanh tra theo phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật; phối hợp Sở Tư pháp thực hiện thanh tra theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trình tự, thủ tục phối hợp thanh tra được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 9. Xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính

1. Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi địa phương và tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính tại Bộ Tư pháp theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, Tòa án nhân dân các cấp có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, cơ quan thi hành quyết định xử phạt, thi hành quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt, cơ quan thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có trách nhiệm cung cấp, cập nhật thông tin, kết quả xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý đến Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

3. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin để phục vụ công tác xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Điều 10. Thống kê, báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Thống kê về xử lý vi phạm hành chính

Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực, địa bàn quản lý và phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện việc thống kê về xử lý vi phạm hành chính của tỉnh theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

Thông tin thống kê về xử lý vi phạm hành chính được thu thập theo quy định của pháp luật về thống kê.

2. Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

a) Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính định kỳ hằng năm

- Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của địa phương gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Tư pháp) theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền;

- Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, địa bàn quản lý gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền;

- Sở Tư pháp tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Bộ Tư pháp đảm bảo thời gian quy định;

- Nội dung báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-BTP ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

b) Báo cáo đột xuất, báo cáo theo chuyên đề về xử lý vi phạm hành chính

- Khi có yêu cầu của Bộ Tư pháp hoặc các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền, Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Phòng Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị chuyên môn tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp xây dựng báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo chuyên đề hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu;

- Nội dung báo cáo thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền.

3. Chỉnh lý, bổ sung báo cáo

a) Trường hợp phải chỉnh lý, bổ sung nội dung, số liệu trong báo cáo, cơ quan lập báo cáo có trách nhiệm gửi báo cáo đã được chỉnh lý, bổ sung, kèm theo văn bản giải trình rõ về việc chỉnh lý, bổ sung và phải có chữ ký xác nhận của người có thẩm quyền, đóng dấu theo quy định;

b) Trường hợp báo cáo bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung, số liệu trong báo cáo và các biểu mẫu số liệu kèm theo thì báo cáo, biểu mẫu đó không có giá trị báo cáo.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Kinh phí thực hiện

Kinh phí phục vụ công tác quản lý nhà nước thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do ngân sách nhà nước bảo đảm và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

2. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung tại Quy chế này.

3. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.